

UNIT 8:

ENGLISH SPEAKING COUNTRIES

A CLOSER LOOK 2

I/ NEW WORDS:

- theme	(n) : đề tài, chủ đề
- throughout	(adv-prep): khắp, suốt
- pose	(v): tạo dáng(để chụp ảnh)
- debate	(v) : tranh luận, bàn cãi
- compete	(v) : đua tranh, cạnh tranh
- competition	(n) : cuộc thi
- excursion	(n) : cuộc đi tham quan
- journalism	(n) : nghề làm báo
- schedule	(n) : lịch trình, thời khoá biểu
- session	(n) : buổi họp, hội nghị
- promote	(v) : nâng cấp, q.cáo, t.truyền
- association	(n) : hội, hiệp hội